

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2022-2023

MÔN TOÁN KHỐI 6

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ/A	B	C	A	C	D	C	A	D	C	A	D	B

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

BÀI	LỜI GIẢI	ĐIỂM
Bài 1: (2,5 đ)	a/ Các số nguyên tố lớn hơn 11 nhưng nhỏ hơn 20 là: 13, 17, 19	0,5
	b/ Số đối của 6 là - 6	0,25
	Số đối của - 18 là 18	0,25
	c/ Các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: -17; - 8; 0; 12	0,5
	d/ Độ cao của chiếc điều so với mặt đất sau 3 lần thay đổi độ cao là: $24 + (- 4) + 5 + (- 3) = 22 \text{ m}$	0,25 0,5 + 0,25
Bài 2: (2,25 đ)	a/ $A = 15 \cdot 7 - 5^{10} : 5^8$ $A = 105 - 5^2$ $A = 105 - 25$ $A = 80$	0,25 0,25 0,25
	b/ $x + 22 = 9$ $x = 9 - 22$ $x = - 13$	0,25 0,25
	c/ Số học sinh lớp 6A là bội chung của 6 và 8 Ta có: $6 = 2 \cdot 3$ $8 = 2^3$ $\text{BCNN}(6; 8) = 2^3 \cdot 3 = 24$ $\text{BC}(6; 8) = \{0; 24; 48; 72; \dots\}$ Vì số học sinh lớp 6A không quá 50 và là một số chia 5 dư 3 Nên số học sinh lớp 6A là 48 học sinh.	0,25 0,25 0,25
	a/ Diện tích nền nhà hình chữ nhật: $6 \cdot 8 = 48 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5
	b/ $48 \text{ m}^2 = 4800 \text{ dm}^2$ Số viên gạch để lát kín nền nhà là: $4800 : 16 = 300 \text{ (viên)}$ Số tiền mua gạch là: $300 \cdot 34\,000 = 10\,200\,000 \text{ (đồng)}$	0,25 0,25 0,25
Bài 3: (1,25 đ)	a/ Điểm thi môn Tiếng anh của bạn Nam cao nhất.	0,5
	b/ Điểm thi môn Toán bạn Khải cao hơn Nam và cao hơn $10 - 7 = 3$ điểm.	0,25 x 2